

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2016/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2017 có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 hécta, đất rừng phòng hộ dưới 20 hécta trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2017 có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 hécta, đất rừng phòng hộ dưới 20 hécta; Báo cáo thẩm tra số 66/BC-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 hécta, đất rừng phòng hộ dưới 20 hécta thực hiện năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2017 có sử dụng đất phải chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh là 166 công trình, dự án với tổng diện tích 212,50 hécta; trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa là 200,74 hécta.
- Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ là 11,76 hécta.

(Đính kèm Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang)

Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 hécta, đất rừng phòng hộ dưới 20 hécta đối với các dự án cấp thiết, các dự án theo yêu cầu của bộ, ngành Trung ương và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tư pháp, Bộ TN và MT, Bộ TC;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- KTNN khu vực IX;
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



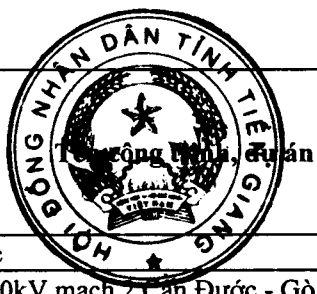
Nguyễn Văn Danh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2017 CÓ SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA DƯỚI 10 HÉCTA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ DƯỚI 20 HÉCTA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

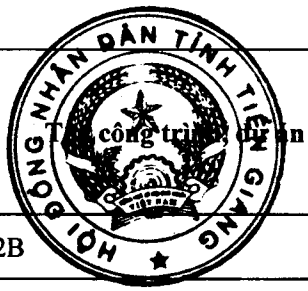


Theo Nghị quyết số 20/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 01 công trình, dự án)			12,00	6,05		40,00	
1	Dự án Hoa viên nghĩa trang thành phố Mỹ Tho	Xã Mỹ Phong	12,00	6,05		40,0	Vốn doanh nghiệp
II. Thị xã Gò Công (Có 20 công trình, dự án)			79,72	52,72		854,88	
1	Đất cơ sở kinh doanh các ấp	Xã Long Hưng	0,60	0,34			Chủ cơ sở SXKD
2	Đất cơ sở kinh doanh các ấp	Xã Long Thuận	0,7	0,14			Chủ cơ sở SXKD
3	Khu bến bãi, kho tàng (cấp sông Gò Công)	Xã Long Chánh	1,0	0,35			Chủ cơ sở SXKD
4	Đất cơ sở kinh doanh các ấp	Xã Long Hòa	0,8	0,26			Chủ cơ sở SXKD
5	Cửa hàng xăng dầu	Xã Tân Trung	0,05	0,05			Vốn doanh nghiệp
6	Đường và khu dân cư hai bên đường Nguyễn Trãi nối dài	Phường 3, xã Long Hưng	8,15	4,0		96,0	Mời gọi đầu tư
7	Lò giết mổ gia cầm	Xã Bình Đông	0,25	0,25			Vốn doanh nghiệp
8	Lò giết mổ gia súc	Xã Long Hòa	0,84	0,07			Vốn doanh nghiệp
9	Trường Tiểu học Phường 3	Phường 3	1,0	0,4		15,0	
10	Đường huyện 97	Xã Long Hưng	1,6	1,0		24,0	
11	Đê bao thị xã Gò Công	Phường 4, Xã Long Chánh, Xã Long Hưng, xã Long Thuận, xã Long Trung	6,48	5,47		29,0	Ngân sách tỉnh
12	Đường Vành Đai phía Đông	Xã Long Hưng	13,73	9,80		14,156	
13	Phục dựng Quần thể căn cứ Tỉnh ủy Gò Công, Trận chống càn ao Vong bảo vệ căn cứ Tỉnh ủy, Tỉnh đội Gò Công	Xã Bình Xuân	6,00	5,42		100,0	Vốn đầu tư qua ngành
14	Đường vào Cụm công nghiệp Mỹ Lợi	Xã Bình Đông	4,50	2,93			Mời gọi đầu tư
15	Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài và khu dân cư hai bên đường	Phường 3, phường 4, Xã Long Chánh	7,714	4,00		95,0	Mời gọi đầu tư
16	Đường cấp kênh Hộ Mưu	Phường 3	0,684	0,215		14,722	Ngân sách thị xã
17	Nhà máy thu gom, xử lý nước thải đô thị thị xã Gò Công	Xã Long Hưng	10,00	8,74		200,0	Mời gọi đầu tư
18	Công viên nghĩa trang nhân dân thị xã Gò Công	Xã Tân Trung	15,20	8,96		267,0	Mời gọi đầu tư



STT	Dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
19	Chợ Cộng Lạc	Xã Bình Đông	0,15	0,15			Mời gọi đầu tư
20	Đường dây 110kV mạch 2 Cần Đước - Gò Công - Trạm 220kV Mỹ Tho	Thị xã Gò Công	0,275	0,175			Vốn ngành điện
III. Huyện Gò Công Tây (Có 27 công trình, dự án)			69,18	40,66		542,16	
1	Đường Nguyễn Thị Bảy	TT Vĩnh Bình	0,88	0,10		20,0	Ngân sách tỉnh
2	4 sân tennis	TT Vĩnh Bình	1,00	1,00		3,00	Xã hội hóa
3	Nhà máy sản xuất thức ăn và khu chăn nuôi sạch	Xã Thạnh Nhựt	5,00	5,00		15,001	Mời gọi đầu tư
4	Đường 5 Trinh	Xã Thạnh Nhựt	0,12	0,04		0,538	Ngân sách xã
5	Đường chùa Long Thạnh	Xã Bình Nhi	0,22	0,11		0,941	Ngân sách xã
6	Mở rộng Trường THCS Vĩnh Hựu	Xã Vĩnh Hựu	0,20	0,2		0,600	Ngân sách tỉnh
7	Nghĩa trang nhân dân Đồng Sơn	Xã Đồng Sơn	3,00	3,00			Mời gọi đầu tư
8	Công trình đường dây 110Kv Mạch 2-Cần Đước-Gò Công - Trạm 220Kv Mỹ Tho	Xã Đồng Sơn	0,94	0,94			Vốn ngành điện
9	Đường 8 Bò	Xã Bình Phú	0,28	0,17		1,225	Ngân sách huyện
10	Nghĩa trang nhân dân Long Bình	Xã Long Bình	4,50	4,50			Mời gọi đầu tư
11	Chợ ấp Ninh Quới	Xã Long Bình	0,10	0,10		1,05	Ngân sách huyện
12	Đường Bờ Xe	Xã Thành Công	0,97	0,87		4,233	Vốn nông thôn mới
13	Đường Sáu Ròm	Xã Thành Công	0,06	0,03		0,249	Ngân sách xã
14	Đường Bình Hưng - Thạnh Phú	Xã Thành Công	0,54	0,11		2,352	Vốn nông thôn mới
15	Nhà máy may xã Thạnh Trị	Xã Thạnh Trị	1,14	0,1			Mời gọi đầu tư
16	Đường ranh xã Thạnh Trị - Yên Lương	Xã Thạnh Trị	0,16	0,16		0,700	
17	Đường Liên ấp Bảy Quăng	Xã Thạnh Trị	0,21	0,17		0,898	Ngân sách huyện
18	Đường Bắc kênh Hai Be	Xã Thạnh Trị	0,14	0,14		0,623	Ngân sách huyện
19	Đường Lộ Đình	Xã Thạnh Trị	2,15	0,60		9,384	
20	Đường Nam kênh N8-5	Xã Thạnh Trị	0,19	0,09		0,831	Ngân sách huyện
21	Khu sản xuất thương mại dịch vụ thú nhồi bông	Xã Long Vĩnh	1,00	1,00		3,003	Mời gọi đầu tư
22	Đường Hưng Hòa (Nam - Bắc)	Xã Long Vĩnh	0,60	0,18		2,625	Ngân sách huyện
23	Đường kênh giữa ấp Long Bình xã Yên Lương	Xã Yên Lương	0,51	0,49		2,231	
24	Dự án kênh 14	Xã Long Bình, Long Vĩnh, Vĩnh Hựu, Yên Lương	21,60	5,23		290,952	Ngân sách tỉnh
25	Đường tránh TT Vĩnh Bình	TT Vĩnh Bình, xã Long Bình	7,04	1,87		30,114	



STT		Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
26	Đường tỉnh 872B	Xã Yên Lương, xã Long Bình, xã Bình Tân	11,25	9,10		48,107	Ngân sách tỉnh
27	Công ty may xã Thạnh Nhứt	Xã Thạnh Nhứt	5,00	5,00		100,0	Mời gọi đầu tư
28	Cửa hàng xăng dầu	Xã Thạnh Nhứt	0,38	0,36		3,5	Mời gọi đầu tư
IV. Huyện Châu Thành (Có 02 công trình, dự án)			9,23	2,39		32,892	
1	Trụ sở ấp 7 xã Tam Hiệp	Xã Tam Hiệp	0,05	0,05		0,200	Ngân sách huyện
2	Mở rộng Công viên nghĩa trang Vạn Phước Viên	Xã Tân Lý Đông	9,18	2,34		32,692	Vốn doanh nghiệp
V. Huyện Gò Công Đông (Có 16 công trình, dự án)			117,49	5,70	11,76	605,99	
1	Trường THCS Tăng Hòa	Xã Tăng Hòa	1,3	0,67		2,20	Ngân sách huyện
2	Trường Tiểu học Kiêng Phước 2	Xã Kiêng Phước	0,3	0,11		0,21	Ngân sách huyện
3	Trường Tiểu học Tân Phước 2	Xã Tân Phước	0,1	0,1		0,08	Ngân sách huyện
4	Trường THCS Phùng Thanh Vân	Xã Tân Phước	0,5	0,5		0,40	Ngân sách huyện
5	Trường THCS Gia Thuận	Xã Gia Thuận	0,62	0,6			
6	Đền thờ Trương Định	Xã Gia Thuận	1,14	1,14		0,80	
7	Trạm Hàng hải Vàm Láng	TT, Vàm Láng	1,24		1,24		Vốn doanh nghiệp
8	Đường tránh Tân Tây	Xã Tân Tây	1,11	0,34		1,20	
9	Đường tỉnh 871B nối dài (dẫn vào CCN Gia Thuận 1,2)	Xã Gia Thuận	2,64		1,44		Vốn doanh nghiệp
10	Trung tâm Văn hóa- Thể thao Bình Ân	Xã Bình Ân	0,36	0,34		1,10	Ngân sách huyện
11	Huyện lộ 07	Xã Tân Thành	1,93	0,75			
12	Đường Đông kênh 2	Xã Tân Điền	1,1	0,58			
13	Đường Bờ Rổi	Xã Tân Điền	0,6	0,43			
14	Tổng Kho dầu khí Soài Rạp-Nam Việt OIL	TT, Vàm Láng	40,41		7,78		Vốn doanh nghiệp
15	Mở rộng Ao chứa nước (cây nước sau UBND xã)	Xã Gia Thuận	0,14	0,14			Vốn doanh nghiệp
16	Khu du lịch sinh thái biển Tân Thành - Hàng Dương	Xã Tân Thành	64,0		1,3	600	Mời gọi đầu tư
VI. Thị xã Cai Lậy (Có 13 công trình, dự án)			15,01	7,90		247,800	
1	Nhà văn hóa xã Mỹ Hạnh Trung	xã Mỹ Hạnh Trung	0,20	0,20		3,0	
2	Trường Mầm non Mỹ Hạnh Đông	Xã Mỹ Hạnh Đông	0,25	0,25		8,0	
3	Trường Mầm non Tân Bình (Phường 3)	Phường 3	0,20	0,20		5,0	
4	Trường tiểu học Phan Văn Kiêu	Phường 1	0,90	0,90		21,0	Nguồn vốn ngân sách và Xổ số kiến thiết



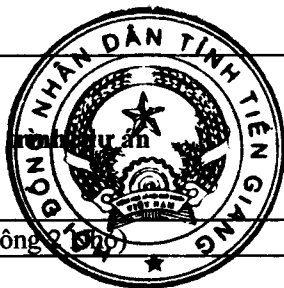
STT	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
			Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
5	Mở rộng Trường tiểu học Tân Bình	Xã Tân Bình	0,13	0,13	2,9	
6	Trường THCS Mỹ Hạnh Đông	Xã Mỹ Hạnh Đông	0,40	0,40	9,8	
7	Mở rộng ĐH 57B (Bình Phú - Tân Bình)	Xã Tân Bình	0,07	0,07	3,7	
8	Đê Đông kênh Kháng Chiến	Xã Mỹ Hạnh Đông	0,42	0,42	1,0	
9	Đê bao Bắc Ban Chón-Đông kênh Thanh Niên - Mỹ Hạnh Đông	Xã Mỹ Hạnh Trung	1,13	1,13	4,0	
10	Đê Ô bao 2 (Tây kênh Ông Mười-kênh Lộ Dây Thép)	Xã Tân Hội	0,11	0,11	6,5	
11	Trụ sở UBND phường 4	Phường 4	0,50	0,50	8,0	Ngân sách thị xã
12	Đoạn tránh đường Tỉnh 868	Phường Nhị Mỹ	10,0	3,29	104,9	Ngân sách tỉnh
13	Trường Mầm non Quốc tế	Phường 4	0,7	0,30	70,0	
VII. Huyện Tân Phước (Có 09 công trình, dự án)			42,95	21,32	35,50	
1	Cơ sở giết mổ gia súc xã Phú Mỹ	Xã Phú Mỹ	0,4	0,4	4,20	
2	Trụ sở UBND xã Phước Lập	Xã Phước Lập	1,05	0,39	3,716	Ngân sách huyện
3	Trường THCS Phước Lập	Xã Phước Lập	0,24	0,242	14,0	
4	Khu dân cư xã Phước Lập	Xã Phước Lập	10,0	9,0		Mời gọi đầu tư
5	Trụ sở ấp Hòa Xuân	Xã Thạnh Hòa	0,24	0,09	0,65	Ngân sách huyện
6	Mở rộng đường Tỉnh 866	Xã Phú Mỹ, Tân Xã Hòa Thành	0,86	0,86	6,93	
7	Mở rộng đường Huyện 47 (đường Tây kênh Tây)	Xã Thạnh Tân, xã Tân Hòa Tây	2,15	2,15	6,00	
8	Đường điện 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa	Xã Phước Lập, Mỹ Phước, Hưng Thạnh, Tân Hòa Đông	27,00	7,60		Vốn ngành điện
9	Đường điện 500kV Sông Hậu - Đức Hòa	Xã Thạnh Hòa, Thạnh Tân	1,00	0,58		Vốn ngành điện
VIII. Huyện Cai Lậy (Có 14 công trình, dự án)			70,01	32,53	3868,06	
1	Đường vào trường TH Mỹ Thành Nam, ấp 9A	Xã Mỹ Thành Nam	3,88	3,88	10,048	
2	Đường nam Kênh Hai Hạt	Xã Thạnh Lộc, xã Phú Cường	5,46	2,00	7,60	
3	Đường Đông kênh 10	Xã Thạnh Lộc, xã Mỹ Thành Nam	4,80	0,16	17,037	



STT	Tên công trình dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
4	Đường Bình Phú - Bình Thạnh (ĐH.65, từ cầu kênh Kháng Chiến đến đường Nguyễn Văn Tiếp)	Xã Bình Phú	6,75	6,75		27,0	Ngân sách tỉnh
5	Đường vào trường Mẫu giáo ấp 10, xã Mỹ Thành Nam	Xã Mỹ Thành Nam	2,95	0,71		5,502	
6	Đường dây 500kV Sông Hậu - Đức Hòa	Xã Mỹ Thành Bắc, xã Thạnh Lộc, xã Phú Cường	1,18	1,18		3.490,6	Vốn ngành điện
7	Công trình Trại giam Công an huyện Cai Lậy	Xã Bình Phú	0,60	0,59		2,944	Vốn tạm ứng ngân sách huyện
8	Trường Mầm non Thạnh Lộc	Xã Thạnh Lộc	0,26	0,26		12,30	Ngân sách tỉnh
9	Trạm dừng nghỉ cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Xã Phú Nhuận	6,0	6,0		250,0	Vốn doanh nghiệp của Bộ Quốc phòng
10	Tuyến dân cư Đông Chà Là - Thầy Cai	Xã Thạnh Lộc, xã Phú Nhuận	10,1	2,0		12,106	Ngân sách TW hỗ trợ
11	Tuyến dân cư Đông Đường nước - Tây Rạch Muồng	Xã Mỹ Thành Nam, xã Phú Nhuận	7,6	2,0		9,120	Ngân sách TW hỗ trợ
12	Tuyến dân cư Đông Kênh 10 - Mối Nhíp	Xã Mỹ Thành Nam, xã Thạnh Lộc	11,6	2,0		13,930	Ngân sách TW hỗ trợ
13	Tuyến dân cư Nam Cà Gáo ấp 3 - ấp 4, xã Mỹ Thành Bắc	Xã Mỹ Thành Nam, xã Mỹ Thành Bắc	3,6	1,0		3,630	Ngân sách TW hỗ trợ
14	Tuyến dân cư kênh Kháng Chiến	Xã Mỹ Thành Nam	5,2	4,0		6,240	Ngân sách TW hỗ trợ
IX. Huyện Cái Bè (Có 16 công trình, dự án)			25,23	10,87		198,113	
1	Trường Mầm non Hậu Mỹ Phú	Xã Hậu Mỹ Phú	0,40	0,40		5,952	Ngân sách tỉnh
2	Đường bờ bao khu dân cư Thiện Trí - Thiện Trung (ĐH 76 dự kiến)	Xã Thiện Trí, xã Thiện Trung	4,15	1,72		62,238	Ngân sách TW (Cụm, tuyến dân cư)
3	Mở rộng đường bờ bao Khu dân cư cây Dừa - Hồng XiNa	Xã Hậu Mỹ Trinh	1,50	0,60		22,50	Ngân sách TW (Cụm, tuyến dân cư)
4	Mở rộng đường bờ bao Khu dân cư Tây kênh 8, Quan Cư	Xã Hậu Mỹ Bắc A, xã Hậu Mỹ Trinh	3,09	0,17		46,494	Ngân sách TW (Cụm, tuyến dân cư)
5	Mở rộng đường bờ bao Khu dân cư Bắc kênh Một Thước	Xã Hậu Mỹ Bắc A	0,38	0,11		5,708	Ngân sách TW (Cụm, tuyến dân cư)
6	Bến xe Hậu Mỹ Bắc A	Xã Hậu Mỹ Bắc A	0,10	0,10		1,488	Ngân sách huyện



STT		Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
7	Đường Nam Một Thước	Xã Hậu Mỹ Trinh	0,78	0,13			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
8	Đường Tây Kênh 7	Xã Hậu Mỹ Bắc A	1,31	1,31			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
9	Đường Bà Gằng kênh Một Thước - Hậu Mỹ Trinh	Xã Mỹ Hội, Hậu Mỹ Trinh	1,14	1,14			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
10	Đường Đông Kênh 9	Xã Mỹ Hội, Hậu Mỹ Trinh	2,21	0,70			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
11	Đường Vườn Chuối	Xã Hậu Mỹ Trinh	1,05	0,70			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
12	Đường Tây kênh 9	Xã Hậu Mỹ Trinh	1,05	0,30			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
13	Đường đất làng Khánh Chiến, đường nước giữa	Xã Mỹ Hội	1,51	0,41			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
14	Đường Cầu Cháy - Một Thước	Xã Mỹ Hội	1,53	0,60			Ngân sách tỉnh (nông thôn mới)
15	Đường tổ 16, 17 ấp Hậu Vinh	Xã Hậu Thành	1,44	0,60			Ngân sách huyện
16	Đường dây 500KV Sông Hậu Đức Hòa	Xã An Hữu, xã An Thái Trung, xã Tân Thanh Mỹ Tân, xã Thiện Trung, xã Mỹ Đức Tây, Mỹ Đức Đông, xã Hậu Mỹ Trinh, xã Mỹ Lợi A	3,59	1,883		53,733	Vốn ngành điện
X. Huyện Tân Phú Đông (Có 21 công trình, dự án)			7,46	3,90		23,280	
1	Đường Phú Hữu 4 và cầu nông trường	Xã Phú Tân	0,19	0,09		1,500	Vốn trái phiếu Chính phủ
2	Đường Lý Ngương 3	Xã Phú Đông	0,20	0,20		1,910	Vốn trái phiếu Chính phủ
3	Đường Sáu Đồng	Xã Tân Phú	0,70	0,40		1,65	Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới + Vốn trái phiếu Chính phủ
4	Cầu Bàn Ranh 2	Xã Phú Đông	0,02	0,02		1,14	Vốn tín dụng ưu đãi
5	Đường cấp sông Cửa Trung - Tân Hòa (đoạn 2)	Xã Tân Thạnh	0,42	0,10		1,23	Vốn tín dụng ưu đãi



STT	Tên công trình dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
6	Đường Giồng Keo 5 (đường ông 2 Đạp)	Xã Phú Thạnh	0,35	0,10		2,25	Vốn trái phiếu Chính phủ
7	Cầu Kênh Xáng Tân Xuân	Xã Tân Phú	0,25	0,25		1,10	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
8	Đường liên ấp Tân Phú - Cà Thu 1	Xã Phú Thạnh	0,42	0,32		1,50	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
9	Cầu đê bao trên đường Bờ Sốt	Xã Phú Đông	0,03	0,03		1,10	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
10	Đường cặp sông Cửa Đại tổ 5 ấp Tân Hòa	Xã Tân Thạnh	0,80	0,20		1,00	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
11	Đường xóm ấp Giồng Keo 4 (đoạn 2)	Xã Phú Thạnh	0,22	0,20		0,45	Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
12	Đường Sáu Đồng (đoạn 3)	Xã Tân Phú	0,56	0,25		0,45	Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
13	Đường liên ấp Tân Hòa - Tân Lập	Xã Tân Thạnh	0,30	0,10		0,44	Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
14	Đường Ngô Văn Tháy (đoạn 2, đoạn 3)	Xã Phú Đông	0,35	0,35		0,94	Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
15	Đường Cửa Đại tổ 2, 3 ấp Tân Lập	Xã Tân Thạnh	1,60	0,60		1,60	Vốn trái phiếu Chính phủ
16	Đường Bảy Thập	Xã Phú Thạnh	0,16	0,10		0,50	Vốn trái phiếu Chính phủ
17	Trụ sở ấp Gành	Xã Phú Đông	0,05	0,05		0,44	Ngân sách huyện
18	Mở rộng bãi rác	Xã Phú Đông	0,07	0,07		0,50	Vốn sự nghiệp môi trường huyện
19	Trụ sở ấp Bãi Bùn	Xã Phú Thạnh	0,05	0,05		0,44	Ngân sách huyện
20	Giao thông nông thôn xã Tân Phú (Đề án 615-2013)	Xã Tân Phú	0,70	0,40		1,970	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
21	Cầu đê bao trên đường Bà Tiên 2	Xã Phú Đông	0,02	0,02		1,17	Vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
XI. Huyện Chợ Gạo (Có 26 công trình, dự án)			71,32	16,69		484,59	
1	Mở mới trụ sở ấp Thạnh Hoà	Xã An Thạnh Thủy	0,09	0,09		0,22	Ngân sách huyện
2	Mở rộng Đường Liên Hồng	Xã An Thạnh Thủy	0,20	0,01		0,59	
3	Công trình phòng thủ xã An Thạnh Thủy (ấp Bình Thủy)	Xã An Thạnh Thủy	1,50	1,50		3,75	
4	Mở rộng Đường Xóm Giữa	Xã Bình Ninh	0,04	0,02		0,13	Nhân dân đóng góp



STT	Tên công trình	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thực hiện (ha)	Trong đó		Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ		
5	Mở rộng đường kênh 7 Cho (phía Đông)	Xã Bình Ninh	0,13	0,04		0,40	Ngân sách huyện
6	Khu tái định cư ấp Bình Thọ Thượng dựa an kênh Chợ Gạo (giai đoạn 2)	Xã Bình Phan	2,50	0,93		8,75	
7	Nâng cấp kênh Chợ Gạo (giai đoạn 2)	Xã Bình Phan	18,00	0,84		45,0	Vốn BOT
8	Đường tổ 3 (Tân Phú 1)	Xã Tân Thuận Bình	0,07	0,02		0,21	Nhân dân đóng góp
9	Đường kênh ấp (Tân Bình 1)	Xã Tân Thuận Bình	0,10	0,03		0,31	Nhân dân đóng góp
10	Đường tổ 2 (Tân Thắng, Tân Bình 2A)	Xã Tân Thuận Bình	0,09	0,03		0,27	Nhân dân đóng góp
11	Đường tổ 1 (Tân Đông)	Xã Tân Thuận Bình	0,07	0,02		0,22	Nhân dân đóng góp
12	Đường tổ 3+6 (Tân Thành)	Xã Tân Thuận Bình	0,12	0,04		0,35	Nhân dân đóng góp
13	Đường tổ 4 (Tân Hoà)	Xã Tân Thuận Bình	0,12	0,07		0,37	Nhân dân đóng góp
14	Đường liên xóm Tân Bình 2B	Xã Tân Thuận Bình	0,13	0,01		0,38	Nhân dân đóng góp
15	Cụm công nghiệp Chợ Gạo (giai đoạn 1)	Xã Tân Thuận Bình	38,00	8,40		375	Mời gọi đầu tư
16	Khu hành chánh, y tế, khu dân cư, đình, nhà văn hóa	Xã Tân Thuận Bình	3,10	2,13		12,39	Vốn BOT
17	Khu tái định cư để xây dựng trụ sở UBND huyện	Xã Tân Thuận Bình	3,20	0,51		25,58	
18	Mở rộng đường Thủ Khoa Huân	Xã Tân Thuận Bình	0,24	0,01		0,72	Nhân dân đóng góp
19	Mở rộng đường Gò Chùa	Xã Đặng Hưng Phước	0,07	0,01		0,19	Nhân dân đóng góp
20	Mở rộng đường Đập Chuối A	Xã Song Bình	0,07	0,01		0,18	Nhân dân đóng góp
21	Mở rộng đường Đập Chuối B	Xã Song Bình	0,05	0,01		0,13	Nhân dân đóng góp
22	Mở rộng kênh Bình Hòa B	Xã Song Bình	0,22	0,08		0,57	
23	Mở rộng bãi rác huyện Chợ Gạo	Xã Thanh Bình	1,50	1,50		3,75	Ngân sách huyện
24	Mở mới sân bóng đá xã Mỹ Tịnh An	Xã Thanh Bình	1,20	0,29		3,60	Ngân sách huyện
25	Mở rộng Đường Nguyễn Thị Sa	Xã Thanh Bình	0,36	0,06		1,08	Nhân dân đóng góp
26	Mở rộng Đường đội 4.5 ấp Trung Chánh - kênh Kháng Chiến	Xã Thanh Bình	0,15	0,03		0,45	Nhân dân đóng góp
166	TỔNG			200,74	11,76	6933,25	